

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST

Ngày 23-12-2020

V/v ly hôn giữa chị L và anh H.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Gấm.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đình Mạnh

2. Bà Cù Thị Hanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ninh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Hoàng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2020/TLST - HNGĐ ngày 15-10-2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03-12-2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lương Thị L, sinh năm 1983.

Nơi ĐKKHKT tại: Thôn A, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

Nơi ở hiện nay: Thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Thanh H, sinh năm 1971.

Nơi ĐKKHKT và cư trú tại: Thôn A, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Có mặt chị Lương Thị L; anh Trần Thanh H có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 15-10-2020, bản tự khai ngày 19-10-2020 và trong quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn chị Lương Thị L trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Thanh H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Nam Định vào ngày 08-11-2002. Quá trình chung sống giữa chị và anh H xuất hiện mâu thuẫn ngay từ những ngày đầu sau khi kết hôn; chị L nhận thấy cuộc sống chung của chị và anh H không có ngày nào hạnh phúc. Anh H tính tình gia trưởng, sống ích kỷ chỉ biết lo cho bản thân mình, không quan tâm gì đến chị và chị thường xuyên phải chịu những trận đòn roi cũng như những lời mắng chửi miệt thị của anh H. Mọi thu nhập của chị anh H đều kiểm soát và giữ hết, thậm chí chị đi làm công ty còn phải mang bảng kê lương về cho anh H kiểm tra xem chị đã đưa hết lương cho anh H chưa. Anh H giữ kinh tế trong gia đình nhưng tài sản anh H mua về thì lại nhận là của riêng của anh H, cụ thể như anh H mua xe máy và tự nhận là xe riêng của anh H, chị đi đâu phải hỏi mượn và tự đổ xăng để đi, có lần chị lấy xe về nhà mẹ đẻ nhưng về muộn một lúc mà bị anh H đánh chảy máu mũi, máu mồm; chị là vợ mà không có quyền gì trong gia đình. Chị đã chịu đựng anh H trong suốt quá trình chung sống vì chị nghĩ đến các con, để các con khôn lớn hơn chút nữa. Nhưng anh H càng ngày càng quá đáng vì vậy đến năm 2015 chị nhận thấy không còn khả năng và sức lực để chịu đựng cuộc sống cùng anh H nữa nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã H, huyện V sinh sống. Chị và anh H đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung giữa chị và anh H không còn tồn tại do đó chị xin được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh H có 03 con chung là các cháu các cháu Trần Thị Lan H, sinh ngày 23-8-2003; Trần Minh H, sinh ngày 26-4-2008 và cháu Trần Bảo L, sinh ngày 09-02-2011. Tại đơn xin ly hôn chị đồng ý để anh H nuôi dưỡng cả 03 con, nhưng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh H đã chửi các con khiến cháu H và cháu L khiếp sợ nên có nguyện vọng được ở cùng chị; hiện nay chị đã đón cháu H và cháu L về chung sống cùng chị, còn cháu H rất hợp với anh H nên cháu không bị bố đánh chửi vì vậy ly hôn chị xin được nhận nuôi 02 con là cháu H và cháu L; còn cháu H để anh H nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Hiện nay chị và anh H đều là công nhân may, có sức khỏe, có thu nhập ổn định nên đảm bảo đủ điều kiện nuôi dưỡng các con.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và các vấn đề khác có liên quan: Chị L không kê khai và không yêu cầu Tòa án giải xem xét giải quyết.

* Tại đơn xin giải quyết ly hôn vắng và nhận nuôi con ngày 30-11-2020, anh Trần Thanh H trình bày như sau: Trong quá trình chung sống giữa anh và chị L nảy sinh nhiều mâu thuẫn nên đến khoảng năm 2015 chị L bỏ về quê ngoại sinh sống, một mình anh nuôi 03 con ăn học. Nay chị L xin ly hôn, anh đi làm nên không có thời gian đến Tòa án làm việc được vì vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn theo quy định của pháp luật. Ly hôn anh nhận nuôi cháu Trần Minh H; để cháu Trần Thị Lan H và Trần Bảo L cho chị L nuôi dưỡng.

* Tại biên bản xác minh, thu thập chứng cứ ngày 26-11-2020, Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Nam Định cung cấp như sau: Chị Lương Thị L và anh Trần Thanh H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V vào ngày 08-11-2002, trong quá trình chung sống giữa anh H và chị L phát sinh mâu thuẫn nên khoảng năm 2015 chị L đã về quê ở xã H, huyện V sinh sống. Hiện nay anh Trần Thanh H đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại: Thôn A, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử:

- + Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Lương Thị L và anh Trần Thanh H.

- + Về con chung: Giao các cháu Trần Thị Lan H, sinh ngày 23-8-2003 và cháu Trần Bảo L, sinh ngày 09-02-2011 cho chị Lương Thị L nuôi dưỡng; giao cháu Trần Minh H, sinh ngày 26-4-2008 cho anh Trần Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- + Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- + Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lương Thị L phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Trần Thanh H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định do đó Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định đã thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị L và anh Trần Thanh H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Nam Định ngày 08-01-2002, như vậy hôn nhân của chị L và anh H là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Sau kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, trong cuộc sống có xảy ra xô xát cãi, chửi nhau. Chị L và anh H đã sống ly thân từ khoảng năm 2015 đến nay. Như vậy trong thời gian vợ chồng chung sống chị L và anh H không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không gìn giữ, bảo vệ hạnh phúc gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và có khoảng thời gian dài sống ly thân, việc này trái với quy định tại Điều 19, 21 Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân gia đình của chị L và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, xử cho chị L được ly hôn với anh H là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Lương Thị L và anh Trần Thanh H có 03 con chung là các cháu Trần Thị Lan H, sinh ngày 23-8-2003; Trần Minh H, sinh ngày 26-4-2008 và cháu Trần Bảo L, sinh ngày 09-02-2011. Hiện nay cháu H và cháu L đang được chị L nuôi dưỡng; cháu H đang được anh H nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị L và anh H đều có quan điểm chị L nuôi dưỡng cháu H, cháu L; anh H nuôi dưỡng cháu H. Hội đồng xét xử xét thấy chị L và anh H đều có sức khỏe, có công việc và thu nhập ổn định nên đủ điều kiện nuôi con. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của đương sự là giao cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, cháu L; anh H tiếp tục nuôi dưỡng cháu H là phù hợp quy định tại Điều 58; Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lương Thị L và anh Trần Thanh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lương Thị L phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Lương Thị L và anh Trần Thanh H.

2. Về con chung:

- Giao các cháu Trần Thị Lan H, sinh ngày 23-8-2003 và cháu Trần Bảo L, sinh ngày 09-02-2011 cho chị Lương Thị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cho đến khi các cháu trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được.

- Giao cháu Trần Minh H, sinh ngày 26-4-2008 cho anh Trần Thanh H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cho đến khi cháu H trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được.

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị L và anh H có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lương Thị L phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Chị L đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2016/0002026 ngày 15-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V được đối trừ (chị L đã nộp đủ).

Chị Lương Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Trần Thanh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi

hành án, tự nguyện thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã T;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Gấm